

Số: /GPMT-UBND

Hòa Bình, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;0*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 124/TTr-STNMT ngày 07 tháng 5 năm 2024 và hồ sơ kèm theo.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy điện Miền Đồi; địa chỉ tại xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Dự án “Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1&2” tại xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án: Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1&2.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số 5400276097, đăng ký lần đầu ngày 09/07/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/12/2018 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

1.4. Mã số thuế: 5400276097.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án 6,8 ha.

+ Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1: Diện tích sử dụng đất 4,61 ha.

+ Nhà máy thủy điện Miền Đồi 2: Diện tích sử dụng đất 2,19 ha.

- Quy mô: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*), Dự án đầu tư nhóm II (*theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*).

- Công suất: Tổng công suất Nlm = 3,2 MW, năng lượng trung bình hàng năm là E = 10,22 triệu kWh. Trong đó:

+ Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1: Công suất lắp máy Nlm = 1,6 MW.

+ Nhà máy thủy điện Miền Đồi 2: Công suất lắp máy Nlm = 1,6 MW.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2:** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thủy điện Miền Đồi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thủy điện Miền Đồi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định

của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép môi trường.

**Điều 4:** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1&2” tại xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình của Công ty TNHH Thủy điện Miền Đồi được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&CN, XD, CT;
- UBND huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH Thủy điện Miền Đồi;
- (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh trả kết quả);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Quách Tất Liêm**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GP-UBND ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Công ty.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: Gồm 03 dòng nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý của các khối nhà vệ sinh khu nhà điều hành chung.

- Dòng nước thải số 02: Dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý của các khối nhà vệ sinh khu nhà bếp.

- Dòng nước thải số 03: Dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý của khối nhà vệ sinh khu nhà máy thủy điện Miền Đồi 2.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Điều chảy qua khu vực dự án thuộc địa phận xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải:

+ Dòng nước thải số 1: Tại điểm đầu nổi thoát nước thải vào suối Điều chảy qua khu vực dự án thuộc địa phận xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

+ Dòng nước thải số 2: Tại điểm đầu nổi thoát nước thải vào suối Điều chảy qua khu vực dự án thuộc địa phận xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

+ Dòng nước thải số 3: Tại điểm đầu nổi thoát nước thải vào suối Điều chảy qua khu vực dự án thuộc địa phận xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106°00', múi chiếu 3°):

STT	Dòng nước thải	Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106°00', múi chiếu 3)	
		X(m)	Y(m)
1	Dòng nước thải số 1	438914	227343
2	Dòng nước thải số 2	438935	227356
3	Dòng nước thải số 3	439302	227302

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 1,728 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải:

- Các chất ô nhiễm trong nước thải được xác định theo theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ ĐTV, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số K=1,2)  
– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2)	Quan trắc tự động, liên tục, định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ (Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8	
6	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	60	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn và nước thải

#### a. Mạng lưới thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Nước mưa mái nhà: Nước mưa được thu gom thông qua các máng thu tại các mái nhà sau đó thoát trực tiếp xuống hệ thống các rãnh thu B x H: 0,5m x 0,4m bao quanh các khối nhà qua hệ thống ống thoát PVC D110.

- Nước mưa chảy tràn bề mặt: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom qua hệ thống rãnh B x H: 0,5m x 0,4 m xây dựng dọc theo tuyến đường giao thông dự án, kênh dẫn nước và bao quanh các khối nhà. Trên hệ thống khoảng 25-30 m bố trí hố ga lắng lọc cặn bẩn trong nước mưa. Đối với vị trí qua đường giao thông bố trí các cống thoát BTCT D400. Toàn bộ nước mưa theo hệ thống các rãnh thoát nguồn tiếp nhận suối Điều chảy qua khu vực dự án.

### **b. Thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

Nước thải sinh hoạt (rửa tay, nhà vệ sinh, nước thải nhà bếp) được thu gom qua ống PVC D110 dẫn vào công trình xử lý nước thải, sau đó qua hệ thống ống uPVC D60 chảy ra nguồn tiếp nhận.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Công trình xử lý nước thải: gồm 03 hệ thống xử lý nước thải của 03 khối nhà vệ sinh: Khối nhà vệ sinh khu nhà điều hành chung; Khối nhà vệ sinh khu nhà bếp; khối nhà vệ sinh khu nhà máy thủy điện Miền Đồi 2, có công suất xử lý bằng nhau (3,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm) và quy mô xây dựng bằng nhau.

STT	Công trình	Số lượng	Kích thước	Kết cấu xây dựng
1	Bể tự hoại Bastafs	03	V = 5,58 m <sup>3</sup> ( Dài x rộng x sâu: 3,1m x 1,2 m x 1,5m).	Thành bể xây bằng gạch chỉ đặc VXM 75#, chống thấm xi măng, đáy bể và nắp bể đổ bê tông, cốt thép
2	Bể khử trùng	03	V = 1,02 m <sup>3</sup> ( Dài x rộng x sâu: 0,8 m x 0,8m x 1,6m).	Bể bằng vật liệu inox 304, dày 1.0 mm
3	Bể xử lý tách dầu, mỡ	01	Thể tích bể V = 0,112 m <sup>3</sup> ( Dài x rộng x sâu: 0,7 m x 0,4m x 0,4 m)	Bể bằng vật liệu inox 304, dày 1.0 mm

- Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Đối với nước thải sinh hoạt khu nhà bếp: Nước thải nhà vệ sinh và nước thải nhà bếp sau xử lý bể tách dầu mỡ → Bể tự hoại cải tiến Bastaf 3 ngăn → Bể khử trùng → Chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt cột B, K= 1,2 QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt → Suối Điều chảy qua khu vực dự án thuộc địa phận xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

+ Đối với nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh khu nhà điều hành và khu nhà vệ sinh nhà máy thủy điện Miền Đồi 2: Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại cải tiến Bastaf 3 ngăn → Bể khử trùng → Chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt cột B, K= 1,2 QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt →

Suối Điều chảy qua khu vực dự án thuộc địa phận xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

\* Hoá chất sử dụng: Nước Javen 10% định mức 2 lít/ngày; men vi sinh Biofix Septic định mức 3,0kg/tháng.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

**1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:** Không có.

### **1.5. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

1.5.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày dự án được cấp giấy phép môi trường.

1.5.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải của 03 khối nhà vệ sinh: Khối vệ sinh khu nhà điều hành chung; Khối nhà vệ sinh khu nhà bếp; Khối nhà vệ sinh khu nhà máy thủy điện Miền Đồi 2.

1.5.3 Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí

- Vị trí 1: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà vệ sinh khu nhà điều hành chung.

- Vị trí 2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà vệ sinh khu nhà bếp.

- Vị trí 3: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của nhà vệ sinh nhà máy thủy điện Miền Đồi 2.

1.5.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm trong nước thải được xác định theo QCVN số 14:2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ ĐTV, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform.

- Các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải sinh hoạt nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B.

1.5.5. Tần suất lấy mẫu đối với nước thải sinh hoạt: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải), cụ thể như sau: Giai đoạn vận hành ổn định: lấy và phân tích 01 mẫu đơn đối với mẫu nước thải đầu vào (do chủ cơ sở đề xuất) và 03 mẫu đơn đối với nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

2.3. Chỉ được tái sử dụng nước thải cho mục đích khác sau khi đã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành phù hợp với mục đích sử dụng nước theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.4. Trong quá trình hoạt động, trường hợp công trình xử lý nước thải gặp sự cố, chủ dự án phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, báo cáo cơ quan chức năng về môi trường trong trường hợp cần thiết để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

2.5. Công ty TNHH Thủy điện Miền Đồi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận và chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

---



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GP-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, phun nước đường nội bộ. Tần suất 01 lần/ngày.
  - Đường giao thông mặt bằng sân bãi của dự án đều được bê tông hoá.
  - Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.
  - Bố trí các quạt thông gió trong nhà máy.
  - Vận hành hệ thống điều hoà, thông gió đúng quy trình, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống điều hoà, tránh gây rò rỉ chất tải lạnh (khí gas).
  - Thường xuyên nạo vét bùn thải tại đường ống thoát nước mưa, nước thải. Tần suất khoảng 03 tháng/lần.
  - Đậy kín các nắp cống, hố ga trong khuôn viên dự án.
  - Vận chuyển, tập kết rác thải theo giờ quy định./
-

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GP-UBND ngày / /2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 01: Hoạt động máy móc, thiết bị phát điện Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1
- Nguồn số 02: Hoạt động máy móc, thiết bị phát điện Nhà máy thủy điện Miền Đồi 2

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:**

- Vị trí 01: Khu vực nhà máy phát điện Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1.
- Vị trí 02: Khu vực nhà máy phát điện Nhà máy thủy điện Miền Đồi 2.

**3. Tiếng ồn phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn:**

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24: 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc, cụ thể như sau:

STT	Thông số	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 24:2016/BYT (Mức tiếp xúc 8 giờ)
1	Tiếng ồn	70dBA	85dBA

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.
- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Tổ chức làm việc theo 2 ca, 3 kíp để giảm tác động của tiếng ồn, độ rung đối với cán bộ, công nhân viên vận hành.
- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện máy móc của Nhà máy, nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.
- Bê mặt trong của các bức tường khu vực hoạt động của Tuabin đảm bảo cách âm với môi trường ngoài, hạn chế tác động của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.
- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho các thiết bị nhằm làm giảm

chấn động do thiết bị gây nên.

- Trang bị thiết bị tránh tiếng ồn cho công nhân làm việc tại những bộ phận gây ồn (như dụng cụ bịt tai).

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kì bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn./

---

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GP-UBND ngày / /2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	1,5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	2
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	3
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	2
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1.5
6	Pin, ác quy thải	Rắn	16 01 12	1
<b>Tổng</b>				<b>11</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6,0 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: gồm 06 thùng dung tích 80 - 120 lít/thùng được dán

nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa: Diện tích kho 9,0 m<sup>2</sup> xây kín, mái lợp tôn, nền đổ xi măng.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 05 thùng đựng rác chuyên dụng 120 lít (03 thùng tại Nhà máy thủy điện Miền Đồi 1; 02 thùng tại Nhà máy thủy điện Miền Đồi 2).

2.2.2. Kho lưu chứa: Nhà lưu giữ tạm thời: Diện tích 6 m<sup>2</sup>, nền đổ bê tông, có mái che, xây tường bao xung quanh cao 1,52 m. Chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý tần suất 01 lần/ngày.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 20/01/2022 của Chính phủ./.

---

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GP-UBND ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải tiếp tục thực hiện.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật.
  2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, đa dạng sinh học, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
  3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.
  4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định./.
-